

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: *11* /2017/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 3 năm 2017

NGHI QUYẾT

Về việc sửa đổi một số nội dung Điều 1 Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi gắn với Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020

SỞ TƯ PHÁP QUẢNG NGÃI	
ĐẾN	Số :..... <i>1907</i>
	Ngày : .. <i>12.4.2017</i> ..
	Chuyển:.....
	Lưu hồ sơ số:.....

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 59/TTr-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đề nghị thông qua sửa đổi một số nội dung Điều 1 Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi gắn với Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi một số nội dung Điều 1 Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi gắn với Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020. Cụ thể như sau:

1. Khoản 2 Điều 1 được sửa đổi như sau:

“2. Mục tiêu

Thực hiện Kiên cố hóa các tuyến kênh mương loại III thuộc 66 xã xây dựng nông thôn mới nhằm sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm nước, điện năng và mở rộng thêm diện tích được tưới chủ động, nâng cao hệ số lợi dụng kênh mương; góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020.”

2. Khoản 3 Điều 1 được sửa đổi như sau:

“3. Nhiệm vụ

Nhiệm vụ của Đề án là kiên cố hóa kênh loại III thuộc 66 xã phần đầu

đạt tiêu chí thủy lợi xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020; trong đó có ưu tiên kiên cố hóa các tuyến kênh bị hư hỏng, xuống cấp qua nhiều năm chưa được sửa chữa, khắc phục”.

(Danh sách 66 xã theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này)”

3. Khoản 4 Điều 1 được sửa đổi như sau:

“4. Kế hoạch thực hiện

a) Kế hoạch giai đoạn 2016-2020:

Tổng chiều dài kênh loại III cần kiên cố hóa giai đoạn 2016-2020 của 66 xã là: 493,448 km (*trong đó đã bao gồm các đoạn, tuyến kênh bị hư hỏng, xuống cấp qua nhiều năm chưa được kiên cố hóa*).

Diện tích được tưới tăng thêm: Diện tích tưới trước/sau khi kiên cố hóa: 11.902 ha/15.542 ha (*dự kiến đến năm 2020 tăng 3.640 ha được tưới bằng công trình kiên cố*).

b) Kế hoạch kiên cố hóa hàng năm

Năm 2016: Đã kiên cố hóa 27,440 km;

Năm 2017: 128,081 km;

Năm 2018: 117,821 km;

Năm 2019: 119,953 km;

Năm 2020: 100,153 km.”

4. Điểm a, c, d Khoản 5 Điều 1 được sửa đổi như sau:

“5. Nhu cầu kinh phí, cơ chế huy động và nguồn vốn đầu tư

a) Nhu cầu kinh phí đầu tư: 620.693 triệu đồng (*Bằng chữ : Sáu trăm hai mươi tỷ, sáu trăm chín mươi ba triệu đồng*). Trong đó:

- Đã thực hiện đầu tư năm 2016: 36.353 triệu đồng.

- Nhu cầu kinh phí đầu tư từ năm 2017 đến năm 2020: 584.340 triệu đồng.

c) Nguồn vốn đầu tư giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2020: 584.340 triệu đồng. Trong đó:

Ngân sách Trung ương: 53.000 triệu đồng.

Ngân sách tỉnh: 286.000 triệu đồng. Trong đó: Vốn phân bổ trực tiếp từ ngân sách: 126.000 triệu đồng; vốn vay tín dụng ưu đãi: 160.000 triệu đồng.

Vốn lồng ghép từ các chương trình (dự án) và các vốn hợp pháp khác: 129.738 triệu đồng.

Vốn ngân sách huyện, thành phố, xã và nguồn vận động nhân dân: 115.602 triệu đồng.

d) Kế hoạch vốn đầu tư hàng năm:

Năm 2016: Đã đầu tư 36.353 triệu đồng;

Năm 2017: 160.045 triệu đồng;

Năm 2018: 149.727 triệu đồng;

Năm 2019: 150.757 triệu đồng;
 Năm 2020: 123.811 triệu đồng.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2017.
2. Những nội dung khác của Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của HĐND tỉnh không sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ : Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính
hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tỉnh ủy;
- ĐBQH bầu ở tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, Hội, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Văn phòng: UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, BKTNS (01).H180.



Bùi Thị Quỳnh Vân



Phụ lục
DANH SÁCH 6 XÃ BÌNH DẪU ĐẠT TIÊU CHÍ THỦY LỢI
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 30/3/2017
của HĐND tỉnh khóa XII)

TT	Huyện/Thành phố, xã	TT	Huyện/Thành phố, xã
I	Huyện Bình Sơn	III	Thành phố Quảng Ngãi
1	Xã Bình Long	1	Xã Tịnh Ấn Tây
2	Xã Bình Phú	2	Xã Tịnh Long
3	Xã Bình Minh	3	Xã Tịnh Ấn Đông
4	Xã Bình Nguyên	4	Xã Tịnh Hòa
5	Xã Bình Mỹ	5	Xã Tịnh Thiện
6	Xã Bình Phước	6	Xã Nghĩa Hà
7	Xã Bình Thanh Tây	IV	Huyện Tư Nghĩa
8	Xã Bình Thạnh	1	Xã Nghĩa Phương
9	Xã Bình Hiệp	2	Xã Nghĩa Kỳ
10	Xã Bình Đông	3	Xã Nghĩa Thuận
11	Xã Bình Tân	4	Xã Nghĩa Hiệp
12	Xã Bình Thuận	5	Xã Nghĩa Trung
13	Xã Bình Chương	6	Xã Nghĩa Điền
14	Xã Bình Khương	7	Xã Nghĩa Thắng
II	Huyện Sơn Tịnh	8	Xã Nghĩa Mỹ
1	Xã Tịnh Giang	9	Xã Nghĩa Thọ
2	Xã Tịnh Bắc	V	Mộ Đức
3	Xã Tịnh Minh	1	Xã Đức Thạnh
4	Xã Tịnh Hà	2	Xã Đức Hòa
5	Xã Tịnh Sơn	3	Xã Đức Hiệp
6	Xã Tịnh Phong	4	Xã Đức Phong
7	Xã Tịnh Thọ	5	Xã Đức Minh
8	Xã Tịnh Bình	6	Xã Đức Chánh
9	Xã Tịnh Hiệp	7	Xã Đức Lợi
10	Xã Tịnh Đông	8	Xã Đức Lân
		9	Xã Đức Thắng
		10	Xã Đức Phú

TT	Huyện/Thành phố, xã	TT	Huyện/Thành phố, xã
VI	Huyện Đức Phổ	VII	Huyện Nghĩa Hành
1	Xã Phổ Ninh	1	Xã Hành Đức
2	Xã Phổ An	2	Xã Hành Phước
3	Xã Phổ Thuận	3	Xã Hành Trung
4	Xã Phổ Văn	4	Xã Hành Tín Đông
5	Xã Phổ Quang	5	Xã Hành Tín Tây
6	Xã Phổ Châu	6	Xã Hành Thiện
7	Xã Phổ Cường	7	Xã Hành Dũng
		8	Xã Hành Nhân
		VIII	Huyện Trà Bồng
		1	Xã Trà Bình
		IX	Huyện Sơn Hà
		1	Xã Sơn Hạ
			TỔNG CỘNG: 66 xã